



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Anh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên
Ông Trần Lê Quang	Thành viên
Ông Vũ Bá Hoà	Thành viên

Ban kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban
Bà Mẫn Minh Huệ	Phó trưởng ban
Ông Đỗ Quang Trung	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Trưởng ban
Bà Mạc Thị Hồng Minh	Thành viên
Ông Phạm Duy Khánh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Đỗ Thị Mai Anh, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: <http://www.ecovis.com/vietnam/audit>).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025

Số: 37/2025/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.177.986.345	68.187.972.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.748.162.221	8.474.234.396
1. Tiền	111		10.748.162.221	5.474.234.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.707.419.777	33.237.260.979
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	23.220.901.128	25.590.011.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	43.260.000	6.439.334.771
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	994.863.789	2.736.506.935
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.551.605.140)	(1.528.592.578)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	38.158.371.000	25.917.185.731
1. Hàng tồn kho	141		40.624.155.019	29.896.205.856
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.465.784.019)	(3.979.020.125)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		564.033.347	559.291.080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	564.033.347	559.291.080
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.133.394.291	29.698.386.654
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.895.913.266	14.819.913.266
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	14.895.913.266	14.819.913.266
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.478.229.273	2.224.685.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	1.478.229.273	2.224.685.716
Nguyên giá	222		7.643.999.801	7.604.874.347
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.165.770.528)	(5.380.188.631)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.363.636	28.363.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	28.363.636	28.363.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.329.000.000	3.329.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.9	3.329.000.000	3.329.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.401.888.116	9.296.424.036
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	9.401.888.116	9.296.424.036
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.311.380.636	97.886.358.840

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.609.262.402	19.351.850.722
I. Nợ ngắn hạn	310		21.609.262.402	19.351.850.722
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	13.355.313.327	6.922.782.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	291.236.006	374.297.741
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.497.571.081	3.660.673.187
4. Phải trả người lao động	314	4.14	683.889.833	300.136.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	261.081.913	1.866.524.633
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	710.040.450	1.611.251.476
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.810.129.792	4.616.183.871
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.702.118.234	78.534.508.118
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	79.702.118.234	78.534.508.118
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.410.000	59.410.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.579.598.118	28.202.342.815
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.013.110.116	6.222.755.303
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	22.000.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.013.110.116	6.200.755.303
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.311.380.636	97.886.358.840



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	466.816.941.343	453.809.385.664
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	2.733.335.810	5.965.191.266
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		464.083.605.533	447.844.194.398
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	398.013.319.545	379.022.994.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.070.285.988	68.821.199.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	4.775.336.351	6.254.940.127
7. Chi phí tài chính	22	5.5	1.262.464.704	2.545.141.476
Trong đó, chi phí lãi vay	23		804.209.962	1.065.014.038
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	38.587.176.888	36.819.438.863
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	19.109.596.415	23.230.678.353
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.886.384.332	12.480.881.346
11. Thu nhập khác	31	5.8	2.222.080.652	2.884.799.046
12. Chi phí khác	32	5.9	1.418.326.418	2.113.510.184
13. Lợi nhuận khác	40		803.754.234	771.288.862
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.690.138.566	13.252.170.208
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	3.439.199.926	3.712.546.666
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.250.938.640	9.539.623.542
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	1.365	1.412
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	1.365	1.412

**Đỗ Thị Mai Anh**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa
Kê toán trưởng**Huỳnh Thị Mỹ Duyên**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		394.493.706.570	430.667.421.366
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(360.790.676.728)	(403.448.222.723)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.858.970.428)	(23.811.563.466)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(804.209.962)	(1.065.014.038)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.575.753.487)	(3.481.166.808)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.008.103.161	5.329.928.774
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.613.102.618)	(9.424.485.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.859.096.508	(5.233.102.774)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(39.125.454)	(36.263.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		299.456.771	639.331.799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		260.331.317	2.603.068.163
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	259.410.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	118.354.437.460	52.795.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(118.354.437.460)	(52.795.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.845.500.000)	(4.823.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.845.500.000)	(4.564.090.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		2.273.927.825	(7.194.124.611)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.474.234.396	15.668.359.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		10.748.162.221	8.474.234.396

Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa
Kê toán trưởngHuỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309902130 ngày 02 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 44.050.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 73 (31/12/2023: 73).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: biên tập, biên soạn sách; dịch thuật (trừ xuất bản sách);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết: Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học tỉnh BR - VT	Số 237 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Số 88, Trần Bình Trọng, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	21%	21%	21%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản cho vay khó đòi. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2024

▪ Máy móc thiết bị	2 - 6	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí thuê đất, chi phí thuế GTGT không được khấu trừ của hàng tự sản xuất... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lãi trả chậm.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: không chịu thuế;
- Thiết bị văn phòng, từ điển: 5% - 10%;
- Các hàng hóa, dịch vụ khác: 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ khác chịu thuế 10% kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ và từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 theo quy định tại Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh thương mại và lãnh thổ chính là Việt Nam.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.096.457.639	268.979.613
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.651.704.582	5.205.254.783
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	10.748.162.221	8.474.234.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai	3.487.873.612	206.642.493
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Ninh Thuận	2.486.563.654	1.404.565.362
Công ty Cổ phần Sách Và Thiết bị Bình Thuận	5.304.498.532	1.904.322.704
Công ty TNHH MTV An Lộc Tây Ninh	2.386.275.785	3.811.400
Các khách hàng khác	9.555.689.545	22.070.669.892
Cộng	23.220.901.128	25.590.011.851
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	7.515.620.484	4.230.216.314

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	5.483.960.413
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	26.500.000	-
Các đối tượng khác	16.760.000	955.374.358
Cộng	43.260.000	6.439.334.771
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	-	5.851.866.934

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu thuế TNCN	935.240.933	-	1.662.673.604	-
Ký quỹ, ký cược	58.741.812	-	38.736.322	-
Lãi dự thu	-	-	1.890.411	-
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	1.030.073.434	-
Các đối tượng khác	881.044	-	3.133.164	-
Cộng	994.863.789	-	2.736.506.935	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	81.000.000	-	5.000.000	-
Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
Cộng	14.895.913.266	-	14.819.913.266	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan - Xem thêm mục 7	14.814.913.266	-	15.844.986.700	-

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam để xây dựng cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó vốn đầu tư của Công ty chiếm 30% dự án. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh. Đến nay, dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, các bên thống nhất giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam quản lý và khai thác kinh doanh, tập hợp và phân chia doanh thu, chi phí cho các bên theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.558.724.140	7.119.000	1.548.554.140	19.961.562
Cộng	1.558.724.140	7.119.000	1.548.554.140	19.961.562

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đồng Tháp	162.702.434	-	Trên 3 năm	162.702.434	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Sản xuất Thiết bị Giáo dục Minh Phát	1.110.163.501	-	Trên 3 năm	1.110.163.501	-	Trên 3 năm
Cửa Hàng Sách Nhật Minh	43.148.706	-	Trên 3 năm	43.148.706	-	Trên 3 năm
Công ty Sách - Thiết bị Giáo dục Hoàng Minh Phúc	166.000.959	-	Trên 3 năm	166.000.959	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sách Thiết bị Tổng hợp Minh Anh	66.538.540	-	Trên 3 năm	66.538.540	19.961.562	Từ 2 đến 3 năm
Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	10.170.000	7.119.000	Từ 6 tháng đến 1 năm			
Cộng	1.558.724.140	7.119.000		1.548.554.140	19.961.562	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	146.311.051	-	1.386.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	848.683.564	-	1.024.456.614	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.246.422	-	51.928.667	-
Thành phẩm	2.293.288.697	-	3.671.402.637	-
Hàng hóa	37.247.625.285	2.465.784.019	25.147.031.938	3.979.020.125
Cộng	40.624.155.019	2.465.784.019	29.896.205.856	3.979.020.125

Không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bản thảo	182.128.761	53.522.452
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	129.034.151	138.835.035
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	252.870.435	366.933.593
Cộng	564.033.347	559.291.080
Dài hạn:		
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	8.363.150.929	8.633.294.929
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.038.737.187	663.129.107
Cộng	9.401.888.116	9.296.424.036

(*) Là khoản thuê cơ sở hạ tầng trên đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD).

Ngày 22/07/2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT quyết định dừng việc đầu tư xây dựng kho chứa hàng hóa tại KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh và thoái toàn bộ vốn đã đầu tư tại lô đất A5-3, Khu A5, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh theo giá thị trường.

Ngày 22/04/2024, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 150/NQ-ĐHĐCĐ thông qua hai phương án hoặc thực hiện các thủ tục thoái vốn đã đầu tư, hoặc triển khai xây dựng kho chứa hàng hoá tại lô đất A5-3, Khu A5, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 25/04/2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT thông qua phương án tiếp tục triển khai xây dựng kho chứa hàng hoá. Dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vào ngày 14/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	P/tiền vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2024	609.700.818	6.423.850.771	571.322.758	7.604.874.347
Mua sắm trong năm	-	-	39.125.454	39.125.454
Tại ngày 31/12/2024	609.700.818	6.423.850.771	610.448.212	7.643.999.801
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2024	609.700.818	4.252.114.314	518.373.499	5.380.188.631
Khấu hao trong năm	-	752.824.030	32.757.867	785.581.897
Tại ngày 31/12/2024	609.700.818	5.004.938.344	551.131.366	6.165.770.528
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2024	-	2.171.736.457	52.949.259	2.224.685.716
Tại ngày 31/12/2024	-	1.418.912.427	59.316.846	1.478.229.273

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố và đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.441.087.513 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
						VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Tỉnh BR - VT	1.229.000.000	-		1.229.000.000	-	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	2.100.000.000	-		2.100.000.000	-	
Cộng	3.329.000.000	-		3.329.000.000	-	
			Năm 2024			Năm 2023

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Tỉnh BR - VT Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Mục 7.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương và Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Tỉnh BR - VT đều có lãi, không có lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Dự án nhà kho chứa hàng hóa, vật tư	28.363.636	28.363.636
Cộng	28.363.636	28.363.636

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	5.292.929.554	5.292.929.554	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.769.899.952	2.769.899.952	1.206.008.687	1.206.008.687
Phải trả các đối tượng khác	5.292.483.821	5.292.483.821	5.716.774.224	5.716.774.224
Cộng	13.355.313.327	13.355.313.327	6.922.782.911	6.922.782.911
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	10.677.213.766	10.677.213.766	2.321.647.357	2.321.647.357

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trường Tiểu học Phước Thạnh	25.700.000	-
Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	25.000.000	-
Công ty TNHH Sách Thiết bị Giáo dục Đức Trí	-	59.236.500
Nhà sách Gò Dầu	24.717.880	44.771.700
Các khách hàng khác	215.818.126	270.289.541
Cộng	291.236.006	374.297.741

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp
		Đã nộp/ Khấu trừ	
Thuế giá trị gia tăng	385.190.690	2.763.485.385	3.042.010.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.087.166.619	3.439.199.926	3.575.753.487
Thuế thu nhập cá nhân	1.025.213.772	1.600.058.455	2.348.081.828
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000
Các khoản phí và lệ phí	-	594.000	594.000
Cộng	2.497.571.081	7.806.337.766	8.969.439.872
			3.660.673.187

4.14. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền lương phải trả CBNV	683.889.833	300.136.903
Cộng	683.889.833	300.136.903

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí bản thảo, nhuận bút phải trả	255.104.000	1.862.093.700
Chi phí phải trả khác	5.977.913	4.430.933
Cộng	261.081.913	1.866.524.633

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phí thị trường và phát triển sản phẩm	559.541.532	1.259.146.861
Nhận ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	130.498.918	332.104.615
Cộng	710.040.450	1.611.251.476

Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan -
Xem thêm mục 7

74.218.330

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2023	44.050.000.000	-	(200.000.000)	28.202.342.815	4.845.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.539.623.542
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	59.410.000	200.000.000	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thường BDH	-	-	-	-	(2.861.887.062)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(476.981.177)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.823.500.000)
Tại ngày 01/01/2024	44.050.000.000	59.410.000	-	28.202.342.815	6.222.755.303
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.250.938.640
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(4.845.500.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023 (*)	-	-	-	1.377.255.303	(1.377.255.303)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(2.775.281.592)
Trích thù lao HĐQT, BKS (**)	-	-	-	-	(462.546.932)
Tại ngày 31/12/2024	44.050.000.000	59.410.000	-	29.579.598.118	6.013.110.116
					79.702.118.234

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 150/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024.
- (**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 19/04/2024.

4.17.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Các cổ đông khác	20.650.000.000	20.650.000.000
Cộng	44.050.000.000	44.050.000.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	44.050.000.000	44.050.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	44.050.000.000	44.050.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VSCH)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.250.938.640	9.539.623.542
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BDH và quỹ thù lao HĐQT, BKS	3.237.828.524	3.338.868.239
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	6.013.110.116	6.200.755.303
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.405.000	4.391.907
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.365	1.412

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 19/04/2024 (Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Điều lệ hoạt động).

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 150/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 bằng với số Công ty đã tạm tính trong năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 không thay đổi so với số đã trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2023.

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.250.938.640	9.539.623.542
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BDH và quỹ thù lao HĐQT, BKS	3.237.828.524	3.338.868.239
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.013.110.116	6.200.755.303
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.405.000	4.391.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.405.000	4.391.907
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.365	1.412

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 19/04/2024 (Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Điều lệ hoạt động).

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 150/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 bằng với số Công ty đã tạm tính trong năm 2023. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 không thay đổi so với số đã trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.7. Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 23/02/2024 của Hội đồng quản trị, Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với số tiền 4.845.500.000 VND (tương đương 11% vốn điều lệ), ngày đăng ký cuối cùng là 18/03/2024. Công ty đã tiến hành chi trả số cổ tức trên vào ngày 02/05/2024.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 150/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ và số tiền như đã tạm ứng nêu trên.

4.17.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2024	28.202.342.815
Trích trong năm	1.377.255.303
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2024	29.579.598.118

4.18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Trí Đức - Xóa sổ do không thu được nợ	744.354.571	744.354.571
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Giáo dục Vạn Lợi - Xóa sổ do không thu được nợ	393.407.855	393.407.855
Cộng	1.137.762.426	1.137.762.426

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bài tập	419.305.794.869	388.913.016.549
Doanh thu bán sách tham khảo	20.907.206.785	36.040.816.150
Doanh thu khác	26.603.939.689	28.855.552.965
Cộng	466.816.941.343	453.809.385.664
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	144.110.744.877	147.065.213.709

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hàng bán bị trả lại	2.733.335.810	5.965.191.266
Cộng	2.733.335.810	5.965.191.266

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bài tập	364.497.000.922	331.313.338.364
Giá vốn bán sách tham khảo	14.278.820.333	23.617.386.476
Giá vốn hoạt động khác	20.750.734.396	23.371.644.540
Dự phòng / hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(1.513.236.106)	720.625.107
Cộng	398.013.319.545	379.022.994.487

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.506.360	254.148.512
Cổ tức, lợi nhuận được chia	256.060.000	340.060.000
Chiết khấu thanh toán, phạt chậm thanh toán	4.477.769.991	5.660.731.615
Cộng	4.775.336.351	6.254.940.127

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	804.209.962	1.065.014.038
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	458.254.742	1.480.127.438
Cộng	1.262.464.704	2.545.141.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	12.262.509.139	13.512.998.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.760.507	205.903.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.870.059.393	16.778.903.840
Chi phí bằng tiền khác	7.251.847.849	6.321.632.920
Cộng	38.587.176.888	36.819.438.863

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	6.413.284.027	7.083.330.929
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	504.176.066	449.558.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	582.821.390	575.014.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.257.669.274	8.412.892.989
Chi phí bằng tiền khác	4.328.633.096	6.646.772.490
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	23.012.562	63.107.996
Cộng	19.109.596.415	23.230.678.353

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	1.220.049.659	881.521.868
Xử lý thừa kiểm kê và dịch vụ gia công cắt rọc dôi dư	622.359.729	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư, hàng hóa, CCDC	18.101.852	27.329.444
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vận chuyển, lưu kho	-	1.653.140.236
Thu nhập từ dán giá sách giáo khoa	304.398.195	-
Các khoản thu nhập khác	57.171.217	322.807.498
Cộng	2.222.080.652	2.884.799.046

Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan –
Xem thêm mục 7

700.768.709 1.916.955.560

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	544.039.105	534.405.098
Tiền truy thu và các khoản phạt về thuế	20.770.612	163.663.591
Chi phí thanh lý vật tư, hàng hóa, CCDC	565.802.971	700.088.566
Chi hỗ trợ vận chuyển, lưu kho	-	611.246.768
Chi phí dán giá sách giáo khoa	279.430.454	-
Các khoản khác	8.283.276	104.106.161
Cộng	1.418.326.418	2.113.510.184

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.221.660.717	6.775.596.906
Chi phí nhân công	18.675.793.166	20.596.329.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	785.581.897	780.918.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.656.056.271	29.631.150.433
Chi phí khác bằng tiền	8.237.236.419	9.111.244.980
Cộng	52.576.328.470	66.895.240.324

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.690.138.566	13.252.170.208
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.357.962.462	3.989.765.641
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	4.357.962.462	3.989.765.641
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	256.060.000	340.060.000
- Cổ tức nhận được	256.060.000	340.060.000
Tổng thu nhập chịu thuế	16.792.041.028	16.901.875.849
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm	3.439.199.926	3.712.546.666
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.358.408.206	3.380.375.170
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	80.791.720	332.171.496

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	118.354.437.460	52.795.000.000
Cộng	118.354.437.460	52.795.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	118.354.437.460	52.795.000.000
Cộng	118.354.437.460	52.795.000.000

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ
- Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương
- Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị
- Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long
- Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ giáo dục
- Công ty CP Học liệu
- Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội
- Công ty CP Sách Dân tộc
- Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng
- Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
- Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận
- Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

25. Công ty CP Đầu tư IP Việt Nam	Chung công ty đầu tư
26. Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
27. Công ty CP In - Phát hành Sách và Thiết bị trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
28. Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
29. Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
30. Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
31. Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
32. Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	Chung công ty đầu tư
33. Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
34. Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
35. Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
36. Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
37. Công ty CP Tập đoàn ECI	Chung công ty đầu tư
38. Công ty CP Sách & Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	Chung công ty đầu tư
39. Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Hà Tây	Chung công ty đầu tư
40. Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	Chung công ty đầu tư
41. Công ty CP Sách - Thiết bị trường học KonTum	Chung công ty đầu tư
42. Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Chung công ty đầu tư
43. Công ty CP Sách - TB Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
44. Công ty CP Sách & TBTH Ninh Thuận	Chung công ty đầu tư
45. Công ty CP In SGK Hòa Phát	Chung công ty đầu tư
46. Công ty CP giáo dục An Đông	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
47. Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
48. Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
49. Công ty CP Sách dịch và từ điển giáo dục	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
50. Công ty CP Sách - TBTH Lạng Sơn	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
51. Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
52. Công ty CP Đầu tư Giáo dục trải nghiệm Việt Nam	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
53. Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
54. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	61.874.999
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	1.980.973.689	1.607.189.678
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	126.021.050	53.046.860
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	5.304.498.532	1.904.322.704
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	84.261.973	90.059.723
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	513.722.350
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	19.590.840	-
Công ty CP Học liệu	274.400	-
Cộng - Xem thêm mục 4.2	7.515.620.484	4.230.216.314
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	5.483.960.413
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	243.626.521
Công ty CP Tập đoàn ECI	-	124.280.000
Cộng - Xem thêm mục 4.3	-	5.851.866.934
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	14.814.913.266	15.844.986.700
Cộng - Xem thêm mục 4.4	14.814.913.266	15.844.986.700

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.249.091	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	5.292.929.554	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	530.095.569	343.000.990
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	869.657.690	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	349.901.376
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	292.675.386	1.083.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.769.899.952	1.206.008.687
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	308.995.491
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	133.801.040	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	305.966.084	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	438.714.600	-
Công ty CP Học liệu	-	112.657.213
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển trường Phổ Thông Công Nghệ Giáo dục	224.800	-
Cộng - Xem thêm mục 4.11	10.677.213.766	2.321.647.357

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả khác		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	41.743.330	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	32.475.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.16	74.218.330	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	534.308.898	651.653.839
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	366.249.456.776	353.078.447.958
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	2.250.229.159	128.968.022
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	-	113.750.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	3.875.712.185	379.544.270
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	15.295.000	18.160.130
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	12.435.218.374	11.694.292.321
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	3.866.326.298	61.002.709
Công ty CP Học liệu	345.239.316	816.513.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	4.112.232.545	1.789.305.396
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	897.624.929
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.742.841.458	5.474.338.036
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	520.692.228	31.500.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	850.431.837	2.759.052.503
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	43.575.000	213.472.012
Công ty CP Mỹ Thuật và Truyền Thông	18.658.095	57.392.524
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	1.732.670.778	1.750.821.940
Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	-	272.512.820
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.196.554.860	2.093.638.120
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.631.942.560	576.051.190
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	-	964.257.250
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển trường Phổ Thông		
Công Nghệ Giáo dục	1.424.224.800	311.580.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	720.000	-
Công ty CP Tập đoàn ECI	163.680.000	534.780.000
Cộng	406.010.010.167	384.668.659.419

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.065.776.291	2.189.135.986
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	44.078.753.602	12.361.587.507
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	37.609.600	57.291.666
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	38.102.686	3.791.889.010
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	47.790.713.792	51.737.319.421
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	771.306.284	520.506.760
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	17.992.704	556.662.623
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	133.927.204	19.362.641.999
Công ty CP Học liệu	4.895.739	49.998.700
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	212.471.170	594.062.180
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	10.126.600	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	464.824.649	982.203.984
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	748.811.680	56.546.860
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	53.338.058	926.629.130
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	47.269.835.302	49.166.033.693
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cần Thơ	36.482.300	151.414.690
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	77.976.180	71.944.846
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	-	74.163.600
Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	153.031	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	62.279.259	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	235.368.746	4.415.181.054
Cộng - Xem thêm mục 5.1	144.110.744.877	147.065.213.709
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	607.687.171	1.854.381.849
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	93.081.538	62.573.711
Cộng - Xem thêm mục 5.8	700.768.709	1.916.955.560
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.574.000.000	2.574.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	110.000.000	110.000.000
Công ty CP Học liệu	115.500.000	115.500.000
Cộng	2.799.500.000	2.799.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nhận cổ tức		
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	115.500.000	172.060.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	84.000.000	168.000.000
Cộng	199.500.000	340.060.000

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Trả lại hàng mua		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	9.123.706.980	19.181.400.970
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	22.580.949
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	478.904.880	250.309.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	59.491.200
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	41.476.760
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	59.651.780	1.602.000
Cộng	9.662.263.640	19.556.861.079

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục		
Cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Thu tiền trả nợ gốc vay	3.000.000.000	5.000.000.000
Lãi cho vay	23.667.777	97.638.889

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	88.111.111
Ông Nguyễn Thành Anh	Thành viên HĐQT	66.666.668	73.888.889
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	66.666.668	75.000.000
Ông Trần Lê Quang	Thành viên HĐQT	66.666.668	73.888.889
Ông Vũ Bá Hoà	Thành viên HĐQT	53.333.332	57.555.555
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Trưởng ban kiểm soát	40.000.000	42.555.556
Bà Mạc Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	20.000.000	21.333.333
Ông Phạm Duy Khánh	Thành viên BKS	20.000.000	21.333.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương của Ban Tổng Giám đốc và nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc	504.707.757	717.431.000
Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	467.477.417	620.967.992
Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc	441.140.868	606.721.000
Bà Nguyễn Mai Hoa	Kế toán trưởng	438.519.865	579.037.431

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Thông tin cụ thể như sau:

- **Diện tích thuê:** 5.000 m²;
- **Thời gian thuê:** Từ thời điểm ký hợp đồng ngày 16/10/2019 đến ngày 16/12/2054;
- **Mục đích thuê:** Xây dựng nhà kho;
- **Tiền thuê lại đất:** Thời điểm tính tiền thuê lại đất từ thời điểm nhận chuyển giao đất. Đơn giá thuê: Theo đơn giá được thông báo từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- **Tiền duy tu hàng năm:** Thời điểm tính tiền duy tu: Công ty được miễn tiền duy tu 12 tháng kể từ thời điểm nhận bàn giao lô đất và đường giao thông N2 đã hoàn thiện. Phương thức trả tiền: hàng năm. Đơn giá duy tu: 12.500 đồng/m²/năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại 3 năm 1 lần với khống chế mức tăng không quá 15% mức cũ;

Công ty thực hiện thuê kho và mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động có thời hạn từ 1 đến 3 năm và trả tiền hằng năm.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	3.308.256.085	3.052.660.176
Cộng	3.308.256.085	3.052.660.176

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 theo Nghị quyết số 01b/NQ-HĐQT ngày 21/02/2025 với tỷ lệ 11%/Vốn điều lệ, ngày đăng ký cuối cùng là 17/03/2025, ngày thanh toán tạm ứng cổ tức năm 2024 là 05/05/2025.

Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

))